

ẢNH HƯỞNG CỦA HỌC PHẦN THỰC TẬP THỰC TẾ ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA SINH VIÊN KHOA DU LỊCH VÀ VIỆT NAM HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

DƯƠNG VĂN CHẤM, PHAN BÙI GIA THỦY*
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
*Email: pbgthuy@ntt.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện với mục đích ước lượng tác động của việc học các học phần thực tập thực tế đến chất lượng đào tạo của sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học, trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trang bị các học phần thực tập thực tế có sự tác động cùng chiều đến tính chủ động, kỷ luật và phát triển kỹ năng của sinh viên. Đây là cơ sở để nhà trường tiếp tục hoàn thiện chương trình dạy học, đặt trọng tâm là đối tượng sinh viên, trên sự giao thoa về các mối quan hệ giữa người học, cơ sở đào tạo, và công ty du lịch lữ hành.

Từ khóa: Thực tập thực tế, học tập tích hợp việc làm, kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng đào tạo, du lịch.

1. GIỚI THIỆU

Học phần thực tập thực tế được nhìn nhận với nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, cần xem xét học phần thực tập thực tế ở nghĩa rộng hơn (Macdonald và cộng sự, 2014), đó là không chỉ giới hạn ở phạm vi thực tập hoặc nơi chỉ để đáp ứng các ràng buộc liên quan đối với các đối tác trong ngành. Theo đó, thuật ngữ này được sử dụng để chỉ sự phát triển năng lực chuyên môn thông qua quá trình tiếp thu giảng dạy và học tập kinh nghiệm thực tế và các hoạt động được lồng ghép môn học lý thuyết, thái độ, kỹ năng và hiểu biết về chuyên ngành và kiến thức liên quan đến ngành học (Lawson và cộng sự, 2011). Sau khi được trang bị các học phần thực tập thực tế, sinh viên được kỳ vọng sẽ gia tăng năng lực chuyên môn, kỹ năng thích ứng, nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, do đó đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng và tính cạnh tranh trong lĩnh vực ngành nghề du lịch (Wattanacharoensil, 2014; Francis và cộng sự, 2019; Alexakis và Jiang, 2019). Theo Nguyễn Khắc Tuệ (2017), chất lượng đào tạo là mức độ đạt được mục tiêu đào tạo, biểu hiện tập trung ở kết quả của quá trình đào tạo và được đo ở trên các phương diện phẩm chất, giá trị nhân cách, giá trị sức lao động, năng lực hành nghề của người học sau khi ra trường. Do đó, phát triển năng lực chuyên môn và gia tăng nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp của sinh viên là yếu tố biểu hiện cho chất lượng đào tạo của sinh viên.

Nghiên cứu được thực hiện với mục đích ước lượng lợi ích của việc học các học phần thực tập thực tế ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học, trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Học phần thực tập thực tế được đặt trong sự giao thoa mối quan hệ giữa ba bên liên quan gồm: sinh viên, trường đại học và công

ty du lịch lữ hành (Patrick và cộng sự, 2008; Khuong, 2016). Dưới góc độ người học, sinh viên sẽ đánh giá mức độ đồng ý theo thang đo Likert 5 lựa chọn về những ảnh hưởng của các học phần thực tập thực tế, vai trò của giảng viên và công ty du lịch lữ hành, nguyện vọng của sinh viên đối với các học phần bổ sung chưa được đưa vào chương trình, và đánh giá về sự phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên sau khi kết thúc học phần.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trang bị học phần *Thực tập nhận thức* và *Chương trình thực tế* tác động tích cực đến *Tính chủ động* và *kỹ luật của sinh viên*, và học phần *Module điều hành tour* và *Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, *Vai trò của công ty du lịch lữ hành* và *Nguyện vọng của sinh viên* tác động cùng chiều đến *Phát triển kỹ năng của sinh viên*. Kết quả này hàm ý, ngoài kết quả ban đầu đạt được trong việc thiết kế chương trình dạy học các học phần thực tập thực tế, trường Đại học Nguyễn Tất Thành cần chú trọng đưa học phần hoạt náo trong du lịch và thuyết trình trước đám đông vào chương trình giảng dạy cho sinh viên. Đây được xem là học phần đào tạo kỹ năng hoạt ngôn trong giao tiếp, một kỹ năng được đánh giá quan trọng bậc nhất tại cơ sở giáo dục hàng đầu trên thế giới (Wang và cộng sự, 2009; Alexakis và Jiang, 2019).

2. MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu

Xây dựng các chương trình học phần thực tập thực tế cần được đặt trong bối cảnh giao thoa về các mối quan hệ giữa nhà trường, sinh viên, và công ty du lịch lữ hành (Patrick và cộng sự, 2008; Khuong, 2016). Nhà trường cung cấp kiến thức thông qua các chương trình dạy học, và giới thiệu nơi thực tập cho sinh viên. Sinh viên, trong quá trình học và thực tập, sẽ tương tác phản hồi với nhà trường và nơi thực tập. Công ty cung cấp kiến thức thực tế cho sinh viên và tương tác phản hồi đánh giá lại với nhà trường. Quá trình này, một khi hoạt động hiệu quả người học sẽ nhận được những lợi ích thiết thực, cụ thể là khả năng thu nhận kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc sau khi tốt nghiệp (Wattanacharoensil, 2014; Francis và cộng sự, 2019) và do đó chất lượng đào tạo của sinh viên sẽ gia tăng (Nguyễn Khắc Tuệ, 2017).

Dựa trên các quan điểm vừa đề cập, với mục đích đo lường tác động của học phần thực tập thực tế đến chất lượng đào tạo của sinh viên, nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu đại diện qua phương trình hồi quy dưới đây như sau:

$$Quality = \alpha_0 + \sum_{k=1}^K \beta_k University_k + \lambda Student + \gamma TourismFirm + \varepsilon \quad (1)$$

Trong đó: Các biến độc lập *University* đại diện nhân tố liên quan đến nhà trường, bao gồm: nội dung các học phần thực tập thực tế và vai trò của giảng viên; *Student* đại diện nhân tố liên quan đến nguyện vọng của sinh viên sau khi kết thúc các học phần; và *TourismFirm* đại diện nhân tố liên quan đến vai trò của công ty du lịch lữ hành. Biến phụ thuộc *Quality* đại diện nhân tố liên quan đến chất lượng đào tạo của sinh viên, hay kết quả mong đợi từ sinh viên sẽ đạt được sau khi trang bị các học phần thực tập thực tế, bao gồm: (i) tính chủ động và kỷ luật của sinh viên, và (ii) phát triển kỹ năng của sinh viên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu xây dựng bảng câu hỏi theo thang đo Likert với 5 lựa chọn và thu thập dữ liệu khảo sát sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành chuyên ngành Hướng dẫn du lịch về những ảnh hưởng của các học phần thực tập thực tế, vai trò của giảng viên và công ty du lịch lữ hành, nguyện vọng của sinh viên đối với các học phần bổ sung chưa được đưa vào chương trình, và đánh giá về sự phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên sau khi kết thúc học phần.

Tiếp theo, nghiên cứu kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Thang đo được đánh giá tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha tối thiểu là 0,6 và hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát tối thiểu đạt 0,3. Các yếu tố thỏa điều kiện Cronbach's Alpha sẽ được tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm đánh giá sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố và các biến thành phần.

Sau cùng, để xác định sự tác động của các học phần thực tập thực tế đến chất lượng đào tạo sinh viên, đề tài ước lượng hồi quy phương trình (1). Kết quả hồi quy của các hệ số β , λ và γ từ phương trình (1) sẽ là cơ sở để trả lời các câu hỏi nghiên cứu đặt ra.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được hình thành từ việc thu thập dữ liệu các phiếu khảo sát sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học khoá 2017 và 2018 chuyên ngành Hướng dẫn du lịch. Mẫu nghiên cứu sau cùng bao gồm 70 sinh viên với 04 học phần thực tập thực tế của khoá 2017 và 2018 ngành Việt Nam học chuyên ngành hướng dẫn du lịch. Đề tài chọn giai đoạn này vì ngành Việt Nam học của giai đoạn này được đào tạo theo hướng chuyên ngành hướng dẫn du lịch và khoá 2017 học trong thời gian 4 năm, khoá 2018 học trong thời gian 3 năm nên năm cuối của hai khoá này sẽ học chung một chương trình đào tạo của học kỳ.

3.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kiểm định độ tin cậy thang đo được thực hiện thông qua kiểm định hệ số Cronbach Alpha. Mô hình nghiên cứu của đề tài gồm 9 khái niệm độc lập đơn hướng bậc 1 và mỗi khái niệm có ít nhất 3 biến quan sát. Hệ số Cronbach's Alpha được thực hiện riêng cho từng khái niệm. Thang đo chỉ đảm bảo độ tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát tối thiểu đạt 0,3. Bảng 1 dưới đây thể hiện kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha.

Thông qua kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, thang đo được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha $> 0,6$ và các biến có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item - Total Correlation) $> 0,3$. Trường hợp ngược lại, biến nghiên cứu vi phạm sẽ bị loại ra khỏi thang đo.

Khái niệm “*Chương trình thực tế*” có 4 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,823 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,426; 0,742) và

lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và các biến quan sát đo lường đại diện tốt cho khái niệm này.

Khái niệm “*Thực tập nhận thức*” có 4 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,909 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,730; 0,848) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và các biến quan sát đo lường được giữ nguyên.

Khái niệm “*Module điều hành tour*” có 5 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,643 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,391; 0,557) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi thang đo.

Khái niệm “*Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*” có 3 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,642 (lớn hơn 0,6), tuy nhiên hệ số tương quan biến tổng của TN3 = 0,299 nhỏ hơn 0,3. Chính vì vậy thang đo chưa đạt được độ tin cậy và biến quan sát TN3 sẽ bị loại ra khỏi thang đo. Sau khi biến TN3 được loại ra khỏi thang đo, hệ số Cronbach's Alpha mới sẽ là 0,760.

Khái niệm “*Vai trò của giảng viên giảng dạy*” có 5 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,721 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,337; 0,605) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và các biến quan sát đo lường được giữ nguyên.

Khái niệm “*Nguyện vọng của sinh viên*” có 3 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,580 (nhỏ hơn 0,6), tuy nhiên hệ số tương quan biến tổng của KS1 = 0,231 nhỏ hơn 0,3. Chính vì vậy thang đo chưa đạt được độ tin cậy. Biến quan sát KS1 sẽ bị loại ra khỏi thang đo và không đưa vào thực hiện phân tích nhân tố khám phá. Sau khi biến KS1 được loại ra khỏi thang đo, hệ số Cronbach's Alpha mới sẽ là 0,744.

Khái niệm “*Vai trò của công ty du lịch lữ hành*” có 4 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,753 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,427; 0,727) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi thang đo.

Khái niệm “*Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên*” có 3 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,889 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,729; 0,817) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và các biến quan sát đo lường tốt cho nội dung của khái niệm.

Khái niệm “*Phát triển kỹ năng của sinh viên*” có 6 biến quan sát với hệ số Cronbach's Alpha = 0,859 (lớn hơn 0,6) và các hệ số tương quan biến tổng trong khoảng (0,571; 0,693) và lớn hơn 0,3 thỏa yêu cầu điều kiện tương quan biến tổng. Do đó thang đo đạt độ tin cậy và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi thang đo.

Tiếp theo, đề tài tiến hành thực hiện phân tích các nhân tố khám phá nhằm kiểm tra lại các biến quan sát của thang đo, xem xét các biến quan sát có hội tụ đúng vào nhân tố được đo lường hay không.

Bảng 1. Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Chương trình thực tế (CT), Cronbach's Alpha = 0,823				
CT1	4,86	4,008	0,742	0,664
CT2	5,04	4,969	0,559	0,762
CT3	4,73	3,998	0,703	0,685
CT4	4,87	5,070	0,426	0,823
Thực tập nhận thức (NT), Cronbach's Alpha = 0,909				
NT1	4,67	4,861	0,789	0,885
NT2	4,71	4,816	0,848	0,864
NT3	4,73	4,693	0,815	0,876
NT4	4,79	5,272	0,730	0,904
Module điều hành tour (DH), Cronbach's Alpha = 0,643				
DH1	6,33	4,746	0,444	0,678
DH2	6,50	4,949	0,458	0,672
DH3	6,33	4,195	0,557	0,629
DH4	6,37	4,527	0,512	0,650
DH5	6,41	5,087	0,391	0,697
Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (TN), Cronbach's Alpha = 0,642				
TN1	2,93	1,604	0,508	0,467
TN2	2,99	1,551	0,577	0,375
TN3	2,97	1,796	0,299	0,760
Vai trò của giảng viên giảng dạy (GV), Cronbach's Alpha = 0,721				
GV1	6,27	5,012	0,391	0,710
GV2	6,19	5,023	0,337	0,722
GV3	5,79	3,649	0,558	0,640
GV4	5,87	3,534	0,605	0,617
GV5	5,83	3,593	0,548	0,646
Nguyện vọng của sinh viên (KS), Cronbach's Alpha = 0,580				
KS1	3,24	1,491	0,231	0,744
KS2	3,16	1,410	0,481	0,352
KS3	3,26	1,353	0,498	0,320
Vai trò của công ty du lịch lữ hành (CB), Cronbach's Alpha = 0,753				
CB1	5,16	4,192	0,439	0,720
CB2	5,04	3,375	0,727	0,566
CB3	5,03	3,390	0,572	0,645
CB4	5,04	3,346	0,427	0,753
Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên (KL), Cronbach's Alpha = 0,889				
KL1	2,94	1,794	0,806	0,822
KL2	2,93	1,777	0,817	0,813
KL3	2,93	1,951	0,729	0,889
Phát triển kỹ năng của sinh viên (PT), Cronbach's Alpha = 0,859				

PT1	8,03	8,782	0,693	0,827
PT2	8,07	9,198	0,655	0,835
PT3	7,97	8,927	0,663	0,833
PT4	8,03	8,550	0,685	0,829
PT5	7,81	8,443	0,642	0,839
PT6	8,01	9,435	0,571	0,849

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của nghiên cứu

3.3. Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) với mục đích dùng để rút gọn một tập hợp k biến quan sát thành một tập F (với $F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Phân tích EFA được thực hiện sau khi phân tích độ tin cậy thang đo. Tiêu chí trong phân tích EFA là: (i) trị số của KMO phải đạt giá trị 0,5 trở lên ($0,5 \leq KMO \leq 1$); (ii) kiểm định Bartlett phải có ý nghĩa thống kê (sig Bartlett's Test $< 0,05$); (iii) trị số Eigenvalue phải ≥ 1 ; (iv) tổng phương sai trích (Total Variance Explained) phải $\geq 50\%$; và sau cùng (v) hệ số tải nhân tố (Factor Loading) phải $\geq 0,65$ do mẫu nghiên cứu chỉ bao gồm 70 số quan sát. Bảng 2 dưới đây trình tóm tắt kết quả phân tích EFA.

Bảng 2. Tóm tắt kết quả phân tích nhân tố khám phá

Thông số	EFA lần 1	EFA lần cuối
Trị số KMO	0,661	0,717
Trị kiểm định Bartlett	0,000	0,000
Trị số Eigenvalue	1,075	1,235
Tổng phương sai trích	0,767	0,750
Hệ số nhân tố tải nhỏ nhất	0,711	0,678
Số nhân tố rút trích	8	6
Số biến bị loại	7	0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của nghiên cứu

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, phân tích EFA lần 1 với trị số KMO = 0,661 (lớn hơn 0,5) và trị kiểm định Sig. Bartlett's Test = 0,000 (nhỏ hơn 0,05), trị số Eigenvalue = 1,075 (lớn hơn 1) dữ liệu đã rút trích được 8 nhân tố với tổng phương sai trích là 76,7% (lớn hơn 50%). Tuy nhiên, với điều kiện hệ số nhân tố tải phải lớn hơn 0,65, kết quả từ ma trận xoay lần 1 cho các nhân tố độc lập cho thấy, có 7 nhân tố được rút trích tương ứng với 7 biến quan sát phải loại ra khỏi phân tích EFA.

Cũng trong Bảng 2, thực hiện phân tích EFA lần cuối, với trị số KMO = 0,717 (lớn hơn 0,5) và trị kiểm định Sig. Bartlett's Test = 0,000 (nhỏ hơn 0,05), trị số Eigenvalue = 1,235 (lớn hơn 1) dữ liệu đã rút trích được 6 nhân tố với tổng phương sai trích là 75,0% (lớn hơn 50%) và không có biến bị loại ra với điều kiện hệ số nhân tố tải phải lớn hơn 0,65.

Thực hiện phân tích ma trận xoay nhân tố cho thấy, có 6 nhân tố được rút trích với hệ số tải nhân tố nhỏ nhất là 0,678, theo đó: Nhân tố 1 (X1) tương ứng với khái niệm “*Thực tập nhận thức*”, bao gồm các biến: NT1, NT2, NT3, NT4 và DH3. Nhân tố 2 (X2) tương ứng với khái niệm “*Chương trình thực tế*”, bao gồm các biến: CT1, CT2 và CT3.

Nhân tố 3 (X3) tương ứng với khái niệm “*Module điều hành tour và Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*”, bao gồm các biến: DH4, DH5, TN1 và TN2. Nhân tố 4 (X4) tương ứng với khái niệm “*Vai trò của công ty du lịch lữ hành*”, bao gồm các biến: CB1, CB2 và CB3. Nhân tố 5 (X5) tương ứng với khái niệm “*Vai trò của giảng viên giảng dạy*”, bao gồm các biến: GV1 và GV2. Nhân tố 6 (X6) tương ứng với khái niệm “*Nguyện vọng của sinh viên*”, bao gồm các biến: KS2 và KS3.

Tiếp theo là Bảng 3, Bảng phân tích EFA đối với nhân tố phụ thuộc 1 tương ứng với khái niệm “*Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên*” và nhân tố phụ thuộc 2 tương ứng với khái niệm “*Phát triển kỹ năng của sinh viên*” đại diện cho chất lượng đào tạo của sinh viên.

Bảng 3. Phân tích nhân tố khám phá đối với nhân tố phụ thuộc

Thông số	EFA đối với nhân tố phụ thuộc 1	EFA đối với nhân tố phụ thuộc 2
Trị số KMO	0,732	0,751
Trị kiểm định Bartlett	0,000	0,000
Trị số Eigenvalue	2,456	3,538
Tổng phương sai trích	0,819	0,590
Hệ số nhân tố tải nhỏ nhất	0,874	0,701
Số nhân tố rút trích	1	1
Số biến bị loại	0	0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của nghiên cứu

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, phân tích EFA đối với nhân tố phụ thuộc đại diện cho “*Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên*” với trị số KMO = 0,732 (lớn hơn 0,5) và trị kiểm định Sig. Bartlett’s Test = 0,000 (nhỏ hơn 0,05), trị số Eigenvalue = 2,456 (lớn hơn 1) dữ liệu đã rút trích được 1 nhân tố với tổng phương sai trích là 81,9% (lớn hơn 50%). Kết quả từ ma trận nhân tố cho thấy, có 1 nhân tố được rút trích với hệ số nhân tố tải nhỏ nhất là 0,874 và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi phân tích EFA. Như vậy, nhân tố phụ thuộc 1 (Y1) tương ứng với khái niệm “*Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên*” bao gồm các biến: KL1, KL2 và KL3.

Cũng trong Bảng 3, phân tích EFA đối với nhân tố phụ thuộc đại diện cho “*Phát triển kỹ năng của sinh viên*” với trị số KMO = 0,751 (lớn hơn 0,5) và trị kiểm định Sig. Bartlett’s Test = 0,000 (nhỏ hơn 0,05), trị số Eigenvalue = 3,538 (lớn hơn 1) dữ liệu đã rút trích được 1 nhân tố với tổng phương sai trích là 59,0% (lớn hơn 50%). Kết quả từ ma trận nhân tố cho thấy, có 1 nhân tố được rút trích với hệ số nhân tố tải nhỏ nhất là 0,701 và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi phân tích EFA. Như vậy, nhân tố phụ thuộc 2 (Y2) tương ứng với khái niệm “*Phát triển kỹ năng của sinh viên*” bao gồm các biến: PT1, PT2, PT3, PT4, PT5 và PT6.

3.4. Phân tích hồi quy

Sau khi phân tích độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích EFA, nghiên cứu xác định được hai biến phụ thuộc đại diện cho chất lượng đào tạo sinh

viên là: *Tính chủ động và kỷ luật của sinh viên* (Y1) và *Phát triển kỹ năng của sinh viên* (Y2). Ngoài ra, có 6 biến độc lập liên quan đến học phần thực tập thực tế và có khả năng ảnh hưởng đến phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên, gồm: *Thực tập nhận thức* (X1); *Chương trình thực tế* (X2); *Module điều hành tour và Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch* (X3); *Vai trò của công ty du lịch lữ hành* (X4); *Vai trò của giảng viên giảng dạy* (X5); và *Nguyện vọng của sinh viên* (X6).

Tiếp theo, nghiên cứu thực hiện hồi quy các yếu tố có liên quan đến học phần thực tập thực tế tác động đến phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên. Trước khi thực hiện hồi quy, nghiên cứu ước lượng hệ số tương quan giữa các biến nghiên cứu và chỉ số VIF để kiểm tra mô hình không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến. Bảng 4 dưới đây trình bày ma trận tương quan giữa các biến độc lập.

Bảng 4. Ma trận tương quan

Biến nghiên cứu	Y1	Y2	X1	X2	X3	X4	X5	X6	VIF
Y1	1,00	0,27	0,69	0,52	0,15	0,33	0,33	0,19	----
Y2	0,27	1,00	0,31	0,20	0,45	0,45	0,31	0,43	----
X1	0,69	0,31	1,00	0,39	0,28	0,33	0,37	0,35	1,56
X2	0,52	0,20	0,39	1,00	0,16	0,12	0,09	-0,02	1,22
X3	0,15	0,45	0,28	0,16	1,00	0,32	0,29	0,17	1,20
X4	0,33	0,45	0,33	0,12	0,32	1,00	0,25	0,27	1,24
X5	0,33	0,31	0,37	0,09	0,29	0,25	1,00	0,34	1,28
X6	0,19	0,43	0,35	-0,02	0,17	0,27	0,34	1,00	1,27

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của nghiên cứu

Bảng 4 cho thấy, hệ số tương quan giữa biến độc lập X1 và X2 có giá trị cao nhất ($r = 0,39$) và chỉ số VIF cao nhất là 1,56. Kết quả này xác nhận mô hình nghiên cứu không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến. Tiếp theo, kết quả hồi quy sẽ được trình bày trong Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Kết quả hồi quy

Biến nghiên cứu	Biến phụ thuộc: Y1			Biến phụ thuộc: Y2		
	β	Sig.	Beta	β	Sig.	Beta
Hằng số	0,076	0,729	----	0,002	0,991	----
X1	0,493 ***	0,000	0,528	-0,028	0,835	-0,033
X2	0,273 ***	0,002	0,310	0,106	0,342	0,135
X3	-0,145	0,249	-0,120	0,309 **	0,028	0,286
X4	0,149	0,101	0,137	0,246 **	0,036	0,255
X5	0,170	0,415	0,124	0,075	0,572	0,062
X6	-0,048	0,643	-0,044	0,298 ***	0,006	0,310
R ² điều chỉnh	58,8%			41,4%		
Glejser	6,164 ***	0,000		2,891 **	0,015	

*** mức ý nghĩa 1%; ** mức ý nghĩa 5%; * mức ý nghĩa 10%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của nghiên cứu

Trước tiên, kết quả kiểm định Glejser ở Bảng 5 cho thấy, hiện tượng phương sai không đồng nhất của sai số bị vi phạm ở cả hai mô hình hồi quy với biến phụ thuộc Y1 (F-stat. = 6,164; sig. = 0,000 < 0,01) và Y2 (F-stat. = 2,891; sig. = 0,015 < 0,05). Do đó, nghiên cứu sử dụng kỹ thuật điều chỉnh sai số chuẩn để kiểm soát hiện tượng phương sai thay đổi.

Từ kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến biến phụ thuộc Y1 ở Bảng 6, hệ số hồi quy của biến X1 và X2 mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1% (0,493; sig. = 0,000 < 0,01) và (0,273; sig. = 0,000 < 0,01) tương ứng. Kết quả này cho thấy nhân tố *Thực tập nhận thức* (X1) và *Chương trình thực tế* (X2) tác động cùng chiều đến *Tính chủ động và kỷ luật của Sinh viên* (Y1).

Cũng ở Bảng 5, từ kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến biến phụ thuộc Y2, hệ số hồi quy của biến X3 và X4 mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5% (0,309; sig. = 0,028 < 0,05) và (0,246; sig. = 0,036 < 0,05) tương ứng. Đồng thời hệ số của biến X6 mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1% (0,298; sig. = 0,006 < 0,01). Kết quả này cho thấy nhân tố *Module điều hành tour* và *Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, *Vai trò của Công ty du lịch lữ hành* và *Nguyện vọng của Sinh viên* tác động cùng chiều đến *Phát triển kỹ năng của Sinh viên*.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện với mục đích ước lượng mối quan hệ giữa việc trang bị học phần thực tập thực tế và sự phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học, trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc trang bị học phần thực tập thực tế có tác động cùng chiều đến sự phát triển năng lực chuyên môn của sinh viên thể hiện qua tính chủ động, kỷ luật và phát triển kỹ năng. Hàm ý rằng, ngoài kết quả ban đầu đạt được trong việc thiết kế chương trình giảng dạy học phần thực tập thực tế, Nhà trường cần chú trọng đưa học phần hoạt náo trong du lịch và thuyết trình trước đám đông vào chương trình giảng dạy cho sinh viên. Đây được xem là học phần đào tạo kỹ năng hoạt ngôn trong giao tiếp cho sinh viên, một kỹ năng được đánh giá quan trọng bậc nhất tại cơ sở giáo dục hàng đầu trên thế giới (Wang và cộng sự, 2009; Alexakis và Jiang, 2019). Thực hiện điều này trước tiên góp phần gia tăng khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, và sau đó là đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường (Nguyễn Khắc Tuệ, 2017).

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alexakis, G. & Jiang, L. (2019). Industry Competencies and the Optimal Hospitality Management Curriculum: An Empirical Study. *Journal of Hospitality & Tourism Education*, 31(4), 210-220.

- [2] Francis, K., Wamathai, A., Wandaka, J.K.M. & Jilo, N. (2019). Analysis of The Skills Gap in Tourism and Hospitality Industry in Kenya. *ASEAN Journal on Hospitality and Tourism*, 17(2), 95-105.
- [3] Khuong, C.T.H. (2016). Work-integrated learning process in tourism training programs in Vietnam: Voices of education and industry. *Asia-Pacific Journal of Cooperative Education*, 17(2), 149-161.
- [4] Lawson, R., Fallshaw, E., Papadopoulos, T., Taylor, T. & Zanko, M. (2011). Professional learning in the business curriculum: Engaging industry, academics and students. *Asian Social Science*, 7(4), 61-68.
- [5] Macdonald, K., Cameron, C., Brimble, M., Freudenberg, B. & English, D. (2014). Realizing the professional within: The effect of work integrated learning. *Asia-Pacific Journal of Cooperative Education*, 15(2), 159-178.
- [6] Nguyễn Khắc Tuệ (2017). Đào tạo và đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo ở các trường Đại học, Cao đẳng. *Tạp chí Giáo dục*, Số 408, 29-34.
- [7] Patrick, C-j., Peach, D., Pocknee, C., Webb, F., Fletcher, M., & Pretto, G. (2008). *The WIL [Work Integrated Learning] report: A national scoping study*. Brisbane: Queensland University of Technology.
- [8] Wattanacharoensil, W. (2014). Tourism Curriculum in a Global Perspective: Past, Present, and Future. *International Education Studies*, 7(1), 9-20.

Title: THE EFFECT OF THE WORK-INTEGRATED LEARNING ON THE TRAINING QUALITY OF STUDENTS OF THE FACULTY OF TOURISM AND VIETNAM STUDIES IN NGUYEN TAT THANH UNIVERSITY

Abstract: This study aims to estimate the impact of learning the practical internship on the training quality of students of the Faculty of Tourism and Vietnam studies, Nguyen Tat Thanh University. The results suggest that, equipping the work-integrated learning has a positive and significant impact on the initiative and discipline, and professional skills of students. This is the basis of reference for the school to continue to improve its curriculum, focusing on students, based on the interference of relationships between students, tourism training institutions, and tourism companies.

Keywords: Practical internship, work-integrated learning, professional skills, training quality, tourism.